| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 68A/2019/DS-PT
Ngày : 03/4/2019

V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà* : Bà Hoàng Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán :* Ông Đinh Như Lâm

Ông Vũ Toàn Giang

***- Thư ký phiên toà :*** Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*** :

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc *Tranh chấp di sản thừa kế*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2019/QĐ-PT ngày 15/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 71/2019/QĐPT-HPT ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Cụ Lê Thị D, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Cụm 2, Xã V, huyện P, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*:

Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội;

***Bị đơn***: Ông Nguyễn Bá B, sinh năm 1972

Địa chỉ: Cụm 2, Xã V, huyện P, thành phố Hà Nội;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*:

Bà Nguyễn Thị H- Luật sư của Công ty luật cán cân Việt- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953;

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963;

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;

4. Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1982;

5. Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1987;

6. Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1989;

7. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội;

8. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Cụm 10, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

9. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã S, Thành phố Hà Nội.

10. Ông Nguyễn Bá A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thị xã S, Hà Nội;

*Bà N, bà B, bà H, bà B, bà C, anh T, chị A và chị B đều ủy quyền cho ông Nguyễn Bá A theo Giấy ủy quyền ngày 02/01/2019.*

***Người kháng cáo:*** Ông Nguyễn Bá B – Bị đơn

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là cụ Lê Thị D* do ông Nguyễn Bá A đại diện theo ủy quyền trình bày*:* Cụ Lê Thị D và cụ Nguyễn Bá T sinh được 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bá B và ông Nguyễn Bá A.

Bà Nguyễn Thị K chết năm 2003, bà Khuyên có 03 người con là anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị A và chị Đỗ Thị B.

Cụ D và cụ T có thửa đất số 151 tại cụm 2, Xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Năm 2002 cụ T đã tách thửa đất số 151 thành 02 thửa là thửa số151a diện tích 242 $m^2$ cho con trai cả là ông Nguyễn Bá B, còn thửa số 151b hai cụ có nguyện vọng để lại cho con trai út là ông Nguyễn Bá A, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên hộ cụ Nguyễn Bá T vì lúc đó ông Sắn đi công tác không có ở địa phương.

Năm 2008 cụ T chết không để lại di chúc, quá trình từ đó đến nay cụ D là người quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa số 151b. Đầu năm 2018 cụ D thực hiện nguyện vọng của hai cụ là sang tên thửa đất số 151b cho ông Nguyễn Bá A, toàn bộ các con của cụ D đều đồng ý, chỉ có ông Nguyễn Bá B là không đồng ý.

Thửa đất số 151b, tờ bản đồ 08 tại cụm 2, Xã V, huyện P, Hà Nội đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T544078, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00882/QSDĐ/303/QĐ.H ngày 08/8/2002 đứng tên hộ cụ Nguyễn Bá T (thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất trong hộ chỉ có cụ D và cụ T). Tài sản trên đất gồm có một ngôi nhà cấp 4, tường hoa, nhà bếp + nhà kho, sân gạch.

Về diện tích của thửa đất số151b: Theo sổ mục kê năm 1996 thì thửa đất số 151 có diện tích là 436m$^2$, năm 2002 thì thửa đất được tách thành 02 thửa là thửa 151a có diện tích 242 m$^2$ đứng tên ông Nguyễn Bá B, còn lại là diện tích của thửa số 151b. Khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T chỉ kê khai diện tích 160m$^2$, tuy nhiên trên thực tế thì diện tích đất sử dụng là lớn hơn.

Nay cụ Lê Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ T theo pháp luật đối với thửa đất số 151b. Cụ D đề nghị đo đạc lại bằng máy diện tích đất thực tế của thửa đất số 151b để chia thừa kế, cụ D yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật và có nghĩa vụ trả cho các thừa kế khác phần thừa kế bằng giá trị để cụ được sử dụng toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 151b, tờ bản đồ 08 tại cụm 2, Xã V, huyện P, Hà Nội.

*Bị đơn là ông Nguyễn Bá B trình bày*: Ông là con trai cả của cụ D và cụ T, bố mẹ ông sinh được 8 người con như cụ D trình bày là đúng. Năm 2008 cụ T ốm chết không để lại di chúc. Tài sản của bố ông để lại là thửa đất số 151b tờ bản đồ 08, diện tích 160m$^2$ đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T544078 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00882/QSDĐ/303/QĐ.H ngày 08/8/2002 đứng tên hộ cụ Nguyễn Bá T, trên thửa đất có 04 gian nhà cấp 4, bếp và công trình phụ. Nay cụ D khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ T để lại, ý kiến của ông là nhất trí và yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất theo như diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và các tài sản trên đất làm 10 phần cho tám anh chị em và cả bố mẹ mỗi người một phần, phần của ông xin nhận đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Bá A: Nhất trí với lời khai của nguyên đơn
- Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị B, chị Đỗ Thị A, bà Nguyễn Thị C**:** Nhất trí với lời khai của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ T theo pháp luật và cho ông Nguyễn Bá A hưởng phần thừa kế của mình.
- Bà Nguyễn Thị Ngàn là vợ ông Nguyễn Bá B, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T.

2. Xác định người để lại di sản và thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Bá T, chết năm 2008.

Xác định di sản thừa kế của cụ T là ½ quyền sử dụng thửa đất số151b tờ bản đồ 08, diện tích 100.3 $m^2$ tại cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất là ½ giá trị 01 nhà cấp 4; bếp + nhà kho; sân gạch; tường hoa tổng trị giá: 209.334.000đ *(Hai trăm linh chín triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng)*.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Bá T gồm: Cụ Lê Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bá B và ông Nguyễn Bá A; Riêng anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị A và chị Đỗ Thị B được thừa kế thế vị.

3. Chia thừa kế bằng giá trị di sản của cụ Nguyễn Bá T. Cụ thể như sau:

+ Cụ Lê Thị D được hưởng một kỷ phần trị giá là 23.259.000đ *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

+ Ông Nguyễn Bá B được hưởng một kỷ phần trị giá là 23.259.000đ *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

+ Ông Nguyễn Bá A được hưởng một kỷ phần của mình và phần của bà N, bà A, bà B, bà H, bà C và phần của anh T, chị A và chị B tổng cộng là 162.813.000đ *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).*

4. Giao cho cụ Lê Thị D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 08, diện tích 200.6 $m^2$ tại cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội có vị trí và kích thước được giới hạn bởi các điểm: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 9 như sau:

Phía Đông giáp thửa đất 151a của ông Nguyễn Bá B có các điểm 2; 9; 10; 8 dài 12,15m + 2,15m + 15,54 m. Phía Tây giáp hộ ông D các điểm 4; 5; 6 dài 12m +9,2m. Phía Bắc giáp hộ bà Thuận các điểm 3; 4 dài 19,92 m. Phía Nam giáp hộ ông T các điểm 6; 8 dài 6, 9m + 1,84 m. Tổng diện tích là 200.6$m^2$ (có sơ đồ kèm theo).

Các tài sản trên đất gồm có: 01 nhà cấp 4; bếp + nhà kho; sân gạch; tường hoa; trụ cổng; 01 cây ổi; 01 cây bưởi diễn; 01 giếng khơi không sử dụng.

Cụ Lê Thị D có nghĩa vụ:

Thanh toán một kỷ phần cho ông Nguyễn Bá B trị giá là 23.259.000đ và phải thanh toán thêm cho vợ chồng ông Nguyễn Bá B, bà Nguyễn Thị Ngàn trị giá của 01 cây ổi, 01 cây bưởi và trụ cổng tổng trị giá là: 592.000đ *(Năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).*

Thanh toán cho ông Nguyễn Bá A số tiền 162.813.000đ *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).*

Cụ Lê Thị D phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất chênh lệch tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 40m2.

Do cụ D tuổi cao nên khi cụ D tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 151b mà chưa thanh toán được nghĩa vụ, thì người được tặng cho quyền sử dụng đất phải có nghĩa vụ thanh toán thay cụ D.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/11/2018 ông Nguyễn Bá B nhận được bản án sơ thẩm và ngày 06/11/2018 ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và lập Biên bản thoả thuận ngày 28/3/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận tại Biên bản thoả thuận ngày 28/3/2019. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về việc chia hiện vật đối với di sản thừa kế theo Biên bản thoả thuận ngày 28/3/2019 và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cụ Lê Thị D và cụ Nguyễn Bá T có thửa đất số 151 tại cụm 2, Xã V, huyện P, thành phố Hà Nội. Năm 2002 thửa đất trên được tách thành 02 thửa đất: Thửa 151a diện tích 242m$^2$ đứng tên hộ ông Nguyễn Bá B (con trai cụ D, cụ Sáng) và Thửa số 151b diện tích 160m$^2$ đứng tên hộ cụ Nguyễn Bá T.

Thửa đất số 151b, tờ bản đồ 08 tại cụm 2, Xã V, huyện P, Hà Nội đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T544078, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00882/QSDĐ/303/QĐ.H ngày 08/8/2002 đứng tên hộ cụ Nguyễn Bá T; Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ chỉ có tên cụ D và cụ T. Do đó, thửa đất số 151b và các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng cụ D và cụ T.

Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi thửa đất số 151b có diện tích 160m$^2$. Qua đo đạc toàn bộ diện tích thực tế cả hai thửa đất 151a và 151b thì thửa đất 151a diện tích 242m$^2$, còn lại thửa đất 151b có diện tích 200,6m$^2$.

Xác minh tại UBND Xã V, huyện P, Hà Nội thì thửa đất 151 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Bá T đứng tên trong sổ mục kê năm 1996. Năm 2002 thửa đất 151 được tách thành hai thửa đất: Thửa đất 151a diện tích 242m$^2$ cụ T cho con trai là ông Nguyễn Bá B, còn thửa 151b vẫn đứng tên cụ T. Do khi kê khai cấp Giấy chứng nhận, cụ T chỉ kê khai có 160m$^2$ đất nên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ cấp diện tích có 160m$^2$ đất, còn thực tế diện tích còn lại 200,6 m$^2$ vẫn thuộc sở hữu hợp pháp của cụ T và cụ D. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích thực tế của thửa đất 151b là 200,6m$^2$ là tài sản chung của vợ chồng cụ T và cụ D.

Qua thẩm định, định giá tài sản tranh chấp thì Thửa đất số 151b và các tài sản trên đất tại địa chỉ Xã V, huyện P, Hà Nội có tổng giá trị là 418.669.000đồng. Chia tài sản chung vợ chồng cụ T và cụ D, phần tài sản của mỗi người có giá trị là 209.334.000đồng.

Cụ D và cụ T sinh được 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bá B và ông Nguyễn Bá A.

Cụ T chết năm 2008 không để lại di chúc, ngày 02/01/2018 cụ D khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ T theo pháp luật đối với thửa đất số 151b Xã V, huyện P, Hà Nội. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ T là ½ quyền sử dụng thửa đất số151b tờ bản đồ 08, diện tích 100.3m$^2$ tại cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội và ½ các tài sản trên đất có tổng giá trị là 209.334.000đồng và chia thừa kế di sản của cụ T theo pháp luật là có căn cứ. Cụ thể:

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm có: Cụ D và 08 người con gồm: Bà N, bà K (bà K chết năm 2003, người thừa kế thế vị của bà K là anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị A và chị Đỗ Thị B), bà A, bà B, bà H, bà B, ông Bvà ông Sắn. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị là 23.259.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

- Bà N, bà A, bà B, bà H, bà B, anh T, chị A và chị B cho ông S hưởng phần thừa kế của mình. Do đó phần thửa kế ông S được hưởng có tổng giá trị là 162.813.000đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).*

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và lập Biên bản thoả thuận ngày 26/3/2019 thống nhất về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T như sau:

1. Ông Nguyễn Bá B được hưởng kỷ phần di sản thừa kế bằng một phần quyền sử dụng đất tương ứng với giá trị di sản của cụ Nguyễn Bá T để lại, do ông Bcó thửa đất liền kề với thửa đất đang tranh chấp.

2. Các bên thống nhất đo đạc trên thực tế và đo vẽ trên bản đồ để điều chỉnh phần diện tích đất giáp ranh giữa hai thửa đất như sau: (Có sơ đồ kèm theo)

- Thửa đất số 151a, tờ bản đồ số 08 mang tên ông Nguyễn Bá B sau khi điều chỉnh là 153m$^2$ đất.

- Thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 08 mang tên cụ Lê Thị D sau khi điều chỉnh là 189,6m$^2$ đất.

- Địa chỉ thửa đất: Cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

3. Cây trồng trên thửa đất nào thì thuộc quyền quản lý sử dụng của chủ sử dụng đất đó.

Xét thấy, thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận tại Biên bản thoả thuận ngày 28/3/2019. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia hiện vật đối với di sản thừa kế, các tài sản và cây cối trên phần đất của ai thì người đó được sở hữu, sử dụng và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cụ D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự, Trả lại cụ Lê Thị D tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đồng. Ông Nguyễn Bá A phải chịu 8.140.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Bá B phải chịu 1.162.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Bá B phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự

## QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:***

- Căn cứ vào các Điều 357, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội , cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị D về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T.

- Xác định di sản thừa kế của cụ T là ½ quyền sử dụng thửa đất số151b tờ bản đồ 08, diện tích 100.3m$^2$ tại cụm 2, Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội và các tài sản trên đất là ½ giá trị 01 nhà cấp 4; bếp + nhà kho; sân gạch; tường hoa; Tổng giá trị di sản là 209.334.000đồng *(Hai trăm linh chín triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng)*.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Bá T là năm 2008. Di sản thừa kế của cụ T được chia theo pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Bá T gồm có: Cụ Lê Thị D, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị K (bà Khuyên chết năm 2003, người thừa kế thế vị của bà Khuyên là anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị A và chị Đỗ Thị B), bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bá B và ông Nguyễn Bá A. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị là 23.259.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

Ghi nhận tự nguyện của Bà N, bà A, bà B, bà H, bà Bình, anh Thiện, chị Xuyến và chị Xuân cho ông Sắn hưởng phần thừa kế của mình.

2. Giá trị phần thừa kế của các đương sự như sau:

- Cụ Lê Thị D được hưởng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 23.259.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Bá B được hưởng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 23.259.000đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Bá A được hưởng một kỷ phần thừa kế của mình và phần thừa kế của bà N, bà A, bà B, bà H, bà C, anh T, chị A và chị B tổng giá trị là 162.813.000đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng)*.

3. Về chia hiện vật: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau : (có sơ đồ kèm theo)

- Cụ Lê Thị D được quyền sử dụng diện tích 189,6m$^2$ đất thuộc thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: Cụm 2 Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 9 và 2

Cụ Lê Thị D phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất chênh lệch tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 40m$^2$.

- Ông Nguyễn Bá B được quyền sử dụng diện tích 11m$^2$ đất thuộc thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: Cụm 2 Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Thửa đất số 151a, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ: Cụm 2 Xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội đứng tên hộ ông Nguyễn Bá B và phần đất chia cho ông B có tổng diện tích là 153m$^2$ được giới hạn bởi các điểm: 2, 9,10, 8,1 và 2.

- Cụ D, ông Bđược sở hữu các tài sản, cây cối trên phần đất được chia.

4. Về thanh toán chênh lệch tài sản:

Buộc cụ Lê Thị D có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho ông Nguyễn Bá A số tiền là 162.813.000đồng *(Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).*

5. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Lê Thị D. Hoàn trả cụ D tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005114 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Bá A phải chịu 8.140.000đồng *(Tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá B phải chịu 1.162.000đồng *(Một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005429 ngày 06/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận :***
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *TAND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hoàng Thị Thu Lan**